

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2024/DS-PT

Ngày: 25 - 3 - 2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản, hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Thanh Vân.

2. Ông Huỳnh Việt Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 847/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Trần Thị Kim P**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: **Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/6/2023 tại **Văn phòng C**, số chứng thực 002749, quyền số 06-SCT/CK, ĐC).

- Bị đơn:

1. Anh **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1982 (có mặt);

2. Chị **Huỳnh Thị Diễm K**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: **Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

Đại diện theo ủy quyền của anh **H**, chị **K**: Ông **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: **A ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 02/10/2023 tại **Văn phòng công chứng huyện C**, số công chứng 7782, quyền số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh **H**, chị **K** là: Luật sư **Nguyễn Hữu T1** - Văn phòng Luật sư **Nguyễn Hữu T1**, Đoàn luật sư tỉnh **T** (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh **Nguyễn Hoàng H**, chị **Huỳnh Thị Diễm K**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Nguyên đơn bà **Trần Thị Thu T** có đại diện theo ủy quyền là chị **Trần Thị Kim P** trình bày:

Về tiền vay: Ngày 12/5/2018 (âm lịch), bà **T** có cho vợ chồng anh **H**, chị **K** vay 03 lần tiền, với tổng số tiền là 1.200.000.000 (*một tỉ hai trăm triệu*) đồng, cụ thể như sau: Ngày 12 tháng 5 năm 2018 (âm lịch) vay 200.000.000 đồng, ngày 26 tháng 6 năm 2018 (âm lịch) vay 500.000.000 đồng và ngày 15 tháng 5 năm 2018 âm lịch vay 500.000.000 đồng. Khi vay, có thỏa thuận trả lãi theo lãi suất do **Ngân hàng N2** qui định. Sau khi vay, anh **H** chị **K** có trả tiền lãi đến cuối tháng 7 năm 2021 thì ngưng, chưa trả vốn. Nay bà **T** yêu cầu anh **H**, chị **K** trả tiền vay còn nợ vốn là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 đến ngày xét xử, làm tròn là 24 tháng, với lãi suất 1,66%/tháng (20% năm), thành tiền lãi là 478.080.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 1.678.080.000 đồng.

Về tiền hụi: Anh **H** và chị **K** có góp 08 phần hụi do chị **T** làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 25 tháng 02 năm 2019 (âm lịch), có 23 phần, hụi tháng, 5.000.000 đồng/phần. Anh **H**, chị **K** tham gia 01 phần, hốt hụi ngày 30 tháng 02 năm 2019 (âm lịch). Sau khi hốt hụi, chị **K** anh **H** còn phải đóng lại hụi chết là 22 kỳ, thành tiền là 110.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 25 tháng 12 năm 2019 (âm lịch), có 23 phần, hụi tháng, 5.000.000 đồng/phần. Anh **H**, chị **K** góp 01 phần, hốt hụi ngày 30 tháng 02 năm 2019 (âm lịch). Anh **H** chị **K** còn phải đóng lại 22 kỳ hụi chết, thành tiền là 110.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 10 tháng 5 năm 2019 (âm lịch), có 26 phần, hụi tháng, 5.000.000 đồng/phần. Anh **H**, chị **K** tham gia góp 01 phần. Anh **H**, chị **K** hốt hụi ngày 15 tháng 5 năm 2019 (âm lịch). Anh **H** chị **K** còn phải đóng lại 25 phần hụi chết, thành tiền là 125.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 20 tháng 7 năm 2019 (âm lịch), có 31 phần, hụi tháng, 5.000.000 đồng/phần. Anh **H**, chị **K** góp 01 phần và hốt hụi vào ngày 25 tháng 7 năm

2019 (âm lịch). Anh **H** chị **K** còn phải đóng lại hụi chết là 30 phần, thành tiền là 150.000.000 đồng.

- Dãy hụi mở ngày 05 tháng 10 năm 2019 (âm lịch), có 26 phần, hụi tháng, 5.000.000 đồng/phần. Anh **H**, chị **K** góp 01 phần và hốt hụi vào ngày 10 tháng 10 năm 2019 (âm lịch). Anh **H**, chị **K** còn phải đóng lại hụi chết 25 phần, thành tiền là 125.000.000 đồng.

- Dãy hụi mở ngày 30 tháng 11 năm 2019 (âm lịch), có 31 phần, hụi tháng, 5.000.000 đồng/phần. Anh **H**, chị **K** góp 01 phần và hốt hụi vào ngày 05 tháng 12 năm 2019 (âm lịch). Anh **H** chị **K** còn phải đóng lại hụi chết là 30 phần, thành tiền là 150.000.000 đồng.

- Dãy hụi mở ngày 10 tháng 02 năm 2020 (âm lịch), có 31 phần, hụi tháng, 5.000.000 đồng/phần. Anh **H** chị **K** góp 01 phần và hốt hụi vào ngày 15 tháng 02 năm 2020 (âm lịch). Anh **H**, chị **K** còn phải đóng lại hụi chết là 30 phần, thành tiền là 150.000.000 đồng.

- Dãy hụi mở ngày 30 tháng 3 năm 2020 (âm lịch), có 31 phần, hụi tháng, 5.000.000 đồng/phần. Anh **H**, chị **K** góp 01 phần và hốt hụi vào ngày 05 tháng 4 năm 2020 (âm lịch). Anh **H**, chị **K** còn phải đóng lại hụi chết là 30 phần, thành tiền là 150.000.000 đồng.

Sau khi hốt hụi, anh **H** và chị **K** còn phải đóng lại tiền hụi chết của 08 phần hụi là 1.070.000.000 đồng (110.000.000đ + 110.000.000đ + 125.000.000đ + 150.000.000đ + 125.000.000đ + 150.000.000đ + 150.000.000đ + 150.000.000đ). Sau đó, anh **H** chị **K** có chuyển khoản đóng tiền hụi được 35 lần, với số tiền là 171.920.000 đồng, nên còn nợ lại chị **T** 898.080.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, chị **T** yêu cầu anh **H**, chị **K** trả như sau: Về tiền vay gồm: 1.200.000.000 đồng vốn và tiền lãi còn nợ là 179.000.000đ là tạm tính đến ngày 20/3/2023 (ngày khởi kiện). Nay chị **T** yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử. Về tiền hụi, chị **T** yêu cầu trả số tiền hụi còn nợ là 922.000.000 đồng là do tính nhầm số tiền anh **H** chị **K** trả qua chuyển khoản từ ngày 21/4/2022 đến ngày 22/3/2023. Chị **T** xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền hụi là yêu cầu anh **H** chị **K** trả số tiền hụi còn nợ là 898.080.000 đồng.

Như vậy, chị **T** yêu cầu anh **H** chị **K** trả số tiền vay còn nợ vốn, nợ lãi đến ngày xét xử là 1.678.080.000 đồng (vốn là 1.200.000.000đ + lãi 478.080.000đ) và tiền hụi là 898.080.000 đồng; yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh **Nguyễn Hoàng H** và chị **Huỳnh Thị Diễm K** thống nhất trình bày:

Về tiền vay: Anh chị thống nhất có vay của chị **T** 03 lần tiền tổng cộng là 1.200.000.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, lãi trả hàng tháng. Anh chị đã trả tiền lãi đến tháng 6 năm 2020 thì chị **T** hạ mức lãi suất xuống là 3%/tháng; anh chị đóng đến tháng 7 năm 2022 thì chị **T** tiếp tục hạ mức lãi suất xuống mỗi tháng đóng 15.000.000 đồng. Anh chị có đóng tiền lãi đến ngày 22 tháng 3 năm 2023 thì ngưng đóng lãi. Đến nay chưa trả vốn.

Về tiền hụi: Anh chị thống nhất có tham gia góp hụi với chị **T** tổng cộng 08 phần hụi như đại diện ủy quyền của chị **T** vừa trình bày. Anh chị đã hót hết 08 phần hụi. Sau khi hót hụi, anh chị đóng lại hụi chết đầy đủ đến khi các dây hụi mãn nên đến nay không còn nợ chị **T** tiền hụi. Anh chị đóng tiền hụi cho chị **T** bằng nhiều cách, có trả trực tiếp bằng tiền mặt, có khi gửi tiền cho anh **Tô Quyền A**, chị **Võ Thị Kim N**, bà **Phạm Thị Trúc L**, bà **Nguyễn Thị N1** đưa lại cho chị **T** và có trả bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của chị **T**. Do tin tưởng nên khi trả tiền mặt, không làm biên nhận tiền.

Nay anh chị đồng ý trả cho chị **T** số tiền vay còn nợ là 1.200.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cùng với lãi suất trên số tiền nợ còn lại sau các lần trả, theo lãi suất do **Ngân hàng N2** quy định là 0,75%/tháng; không đồng ý trả tiền lãi của tiền vay và tiền hụi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

* Căn cứ:

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019; của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phưởng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Thu T**.
- Buộc anh **Nguyễn Hoàng H** và chị **Huỳnh Thị Diễm K** cùng có nghĩa vụ trả cho chị **Trần Thị Thu T** số tiền vay, tiền hụi còn nợ tổng cộng là 2.337.120.000 (*hai tỉ ba trăm ba mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn*) đồng (tiền vay 1.200.000.000đ + tiền lãi của tiền vay 239.040.000đ + tiền hụi 898.080.000đ), trả khi án có hiệu lực pháp luật.
- Về án phí:
 - + Anh **Nguyễn Hoàng H** và chị **Huỳnh Thị Diễm K** cùng có nghĩa vụ nộp 78.742.400 (*bảy mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.
 - + Chị **Trần Thị Thu T** không nộp tiền án phí sơ thẩm. Trả lại chị **T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.010.000 (*ba mươi chín triệu không trăm mười nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0008507, ngày 27/3/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Đến hạn trả tiền, nếu anh **Nguyễn Hoàng H** và chị **Huỳnh Thị Diễm K** không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngày 21/8/2023, bị đơn anh **Nguyễn Hoàng H** và chị **Huỳnh Thị Diễm K** kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do Tòa sơ thẩm xét xử không công bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện cho anh **H** và chị **K** là ông **Nguyễn Hoàng V** thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả cho chị **T** 1.200.000.000 đồng vốn vay và tính lãi theo lãi suất do Bộ luật dân sự quy định từ khi anh **H**, chị **K** ngưng trả lãi vào ngày 22/3/2023 cho đến ngày Tòa phúc thẩm xét xử là 12 tháng. Còn phần tiền hui thì anh **H**, chị **K** đã trả đầy đủ cho đến ngày mãn hui nên không chấp nhận trả nữa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là **Trần Thị Kim P** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh **H**, chị **K** trình bày: Theo đơn khởi kiện, chị **T** liệt kê số tiền anh **H**, chị **K** nợ hui chết của 08 dây hui do chị **T** làm chủ hui, tổng cộng 1.070.000.000 đồng. Nhưng trong đơn kiện chị **T** chỉ yêu cầu anh **H**, chị **K** trả 922.000.000 đồng. Quá trình tòa án giải quyết nguyên đơn nêu số tiền không thống nhất nhưng không lý giải những con số khác biệt đó, cũng không chứng minh số nợ của từng dây hui cụ thể bao nhiêu. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì số tiền nợ hui chị **K** đã chuyển trả cho chị **T** sau khi hót hui được 33 lần bằng 171.920.000 đồng nhưng tòa sơ thẩm lại khấu trừ 1.070.000.000 đồng, từ đó buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 898.080.000 đồng tiền nợ hui là không có căn cứ.

Về nợ vay được các nhân chứng và các tin nhắn xác định anh **H**, chị **K** có chuyển tiền trả cho chị **T** nhiều lần nhưng án sơ thẩm không xem xét, Mặt khác án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **T** nhưng không ghi chấp nhận một phần yêu cầu nào và phần yêu cầu nào không được chấp nhận nên không tính nghĩa vụ chịu án phí của phần yêu cầu không được chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án huyện xét xử lại.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **T** buộc anh **H**, chị **K** có nghĩa vụ trả cho chị **T** 1.200.000.000 đồng vốn vay, 239.040.000 đồng tiền lãi và 898.080.000 đồng tiền nợ hui nhưng anh **H**, chị **K** đều không chấp nhận nên đã kháng cáo. Xét yêu cầu kháng cáo của anh **H**, chị **K** về tiền

lãi của khoản vay là có cơ sở, bởi các giấy mượn tiền đều không có ghi ngày trả nên việc tính lãi chỉ xảy ra từ ngày phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của anh **H**, chị **K** đồng ý chịu mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày chị **T** khởi kiện, đến ngày xét xử phúc thẩm tương đương 12 tháng, thành tiền 119.520.000 đồng. Yêu cầu này có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về nợ hui: Anh **H**, chị **K** thừa nhận có tham gia 08 dây hui do chị **T** làm chủ hui, mỗi dây tham gia 01 phần và đã hốt hết. Sau khi hốt, anh chị đóng hui chết đầy đủ đến khi mãn nhưng anh chị không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Do đó án sơ thẩm buộc anh chị trả nợ hui là có căn cứ. Tuy nhiên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 922.000.000 đồng nợ hui. Quá trình giải quyết nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh sau khi hốt hui anh **H**, chị **K** đã chuyển trả cho chị **T** qua Ngân hàng 171.920.000 đồng nên còn phải trả tiếp 750.080.000 đồng là đủ số tiền chị **T** yêu cầu. Nhưng tòa sơ thẩm lại buộc trả 898.080.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của chị **T**, Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh **H**, chị **K**, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày ý kiến, tranh luận và đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đề nghị. Xét thấy:

[1] Về thời hạn kháng cáo:

Án sơ thẩm xử ngày 17/8/2023. Ngày 21/8/2023 anh **Nguyễn Hoàng H** và chị **Huỳnh Thị Diễm K** kháng cáo. Anh **H**, chị **K** thực hiện quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định đúng theo điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn **Trần Thị Thu T** ủy quyền cho chị **Trần Thị Kim P** đại diện tham gia tố tụng. Về phía bị đơn **Nguyễn Hoàng H**, **Huỳnh Thị Diễm K** cũng ủy quyền cho ông **Nguyễn Hoàng V** làm đại diện tham gia tố tụng.

Việc ủy quyền được thực hiện theo các điều 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn **Trần Thị Thu T** khởi kiện yêu cầu bị đơn **Nguyễn Hoàng H**, **Huỳnh Thị Diễm K** trả nợ 1.200.000.000 đồng vốn vay và tính lãi 179.000.000 đồng. Tổng cộng 1.379.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu anh **H**, chị **K** trả tiền nợ của 08 dây hui với 214 phần hui chết tổng cộng 922.000.000 đồng. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại điều 5, khoản 3 điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 166, 288, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/2029/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

[3.1] Nguyên đơn chị **Trần Thị Thu T** khởi kiện và yêu cầu bị đơn **Nguyễn Hoàng H** và **Huỳnh Thị Diễm K** trả 1.200.000.000 đồng tiền vay theo ba biên nhận ngày 12/5/2018 AL, biên nhận ngày 15/5/2018 AL và biên nhận ngày 26/6/2018 yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 20/3/2023 là 179.000.000 đồng.

Về tiền hụi chị **T** yêu cầu anh **H**, chị **K** trả tiền nợ của 08 dây hụi do chị làm chủ, anh **H**, chị **K** đã hốt chưa đóng hụi chết tổng cộng 214 phần thành tiền 922.000.000 đồng (Bút lục 19);

Quá trình giải quyết tại phiên tòa sơ thẩm chị **Trần Thị Kim P** đại diện của nguyên đơn chị **T** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ đòi anh **H**, chị **K** trả lại tiền nợ hụi bằng 898.000.000 đồng; tiền vốn vay 1.200.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất 1,66%/tháng tính đến ngày xét xử là 24 tháng, thành tiền 478.080.000 đồng (Bút lục 135).

[3.2] Về phía bị đơn anh **H**, chị **K** cùng trình bày:

Anh chị có vay 03 lần tiền của chị **T** tổng cộng 1.200.000.000 đồng. Anh, chị đã trả lãi đầy đủ cho chị **T** theo thỏa thuận đến ngày 22/3/2023 thì ngưng, hiện còn nợ chị **T** 1.200.000.000 đồng tiền vốn.

Về tiền hụi: Anh, chị có tham gia 08 dây hụi do chị **T** làm chủ và đã hốt hết các phần hụi của 08 dây hụi như chị **T** trình bày. Nhưng anh, chị cho rằng sau khi hốt hụi anh, chị đã đóng hụi chết đầy đủ cho chị **T** cho đến khi hụi mãn nên không nợ số tiền hụi chị **T**.

Do đó anh **H**, chị **K** chỉ đồng ý trả cho chị **T** 1.200.000.000 đồng nợ vay và xin trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng và trả lãi theo mức lãi suất 0.75%/tháng, không chấp nhận trả lãi suất tiền vay và nợ hụi theo yêu cầu khởi kiện của chị **T**.

Án sơ thẩm xử buộc anh **H**, chị **K** có nghĩa vụ trả cho chị **T** 1.200.000.000 đồng vốn vay, 239.040.000 đồng tiền lãi và 898.080.000 đồng nợ hụi nhưng anh **H**, chị **K** không chấp nhận nên kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh **H**, chị **K** nhận thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Anh **H**, chị **K** đều thừa nhận có vay tiền của chị **T** ba lần tổng cộng 1.200.000.000 đồng. Sau khi vay chỉ trả lãi theo thỏa thuận đến ngày 22/3/2023 thì ngưng nên vẫn còn nợ chị **T** 1.200.000.000 đồng tiền vốn. Anh, chị đồng ý trả tiền vốn cho chị **T** mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng chị **T** không đồng ý nên tòa sơ thẩm xử buộc anh **H**, chị **K** trả cho chị **T** 1.200.000.000 đồng vốn vay là có căn cứ.

Về tiền lãi: Theo các giấy nhận nợ ngày 12/5/2018 (BL 124) ngày 25/5/20218 (BL 123) và ngày 26/6/2018 AL (BL 125) đều ghi: Hai vợ chồng con **Huỳnh Thị Diễm K**, **Nguyễn Hoàng H** có mượn thêm sáu Dây số tiền tổng cộng trong 3 biên nhận là 1.200.000.000 đồng (Sáu Dây là **Trần Thị Thu T**).

Mặc dù các giấy mượn tiền đều không có ghi về lãi suất nhưng hai bên thống nhất là cho vay có lãi.

Chị **T** khai lãi suất thỏa thuận theo ngân hàng Nhà nước quy định. Sau khi vay anh **H**, chị **K** trả lãi đến tháng 7/2021 thì ngưng nên chị **T** yêu cầu anh **H**, chị **K** tiếp tục trả lãi với mức lãi 1.66%/tháng tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày Tòa sơ thẩm xử là 24 tháng thành tiền 478.800.000 đồng.

Còn anh **H**, chị **K** thì khai: Khi vay thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Tháng 6/2020 hạ xuống còn 3%/tháng. Đến tháng 7 năm 2022 thì tiếp tục hạ xuống mỗi tháng đóng 15.000.000 đồng tương đương 1,25%/tháng. Anh chị trả lãi cho chị **T** đến ngày 22/3/2023 thì ngưng.

[5] Xét thấy hai bên thống nhất vốn vay có lãi nhưng lại tranh chấp về mức lãi suất nên Tòa sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng để buộc anh **H**, chị **K** trả cho chị **T** là có căn cứ, đúng với điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định. Bởi theo điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: *1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Tức 10%/năm tương đương 0,83%/tháng.

[6] Về thời gian tính lãi: Hai bên không tranh chấp về tiền lãi đã trả, chỉ tranh chấp về thời gian tính lãi đối với số tiền còn nợ. Tòa sơ thẩm xác định anh **H**, chị **K** có nghĩa vụ trả tiền lãi số nợ vay cho chị **T** từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/08/2023) làm tròn bằng 24 tháng theo yêu cầu của chị **T** là chưa phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qui định của pháp luật. Bởi quá trình vay anh **H**, chị **K** đều có trả tiền lãi cho chị **T**. Chị **T** cũng thừa nhận anh **H**, chị **K** có trả lãi cho chị nhận đến tháng 7/2021 thì ngưng. Thế nhưng đến tháng 3/2023 chị **T** mới khởi kiện yêu cầu anh **H**, chị **K** trả nợ vay, cách xa thời gian anh **H**, chị **K** khai ngày trả lãi lần cuối là 19 tháng. Điều này không phù hợp với thực tế vì phần tiền hụi chị **K** chuyển khoản trả liên tục cho chị **T** đến tháng 3/2023 (bút lục 53) nhưng chị **T** vẫn khởi kiện nên việc chị **T** khai anh **H**, chị **K** ngưng trả lãi từ tháng 7/2021 là không có cơ sở. Mặc khác trong ba biên nhận chị **T** cho anh **H**, chị **K** vay đều ghi là tiền mượn và không có biên nhận nào ghi thời gian trả nợ, còn chị **T** cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa chị và anh **H**, chị **K** có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay từ tháng 7/2021 nên việc tính lãi được tính từ ngày phát sinh tranh chấp khi nguyên đơn khởi kiện vào ngày 21/3/2023 đến ngày Tòa sơ thẩm xét xử sơ thẩm mới đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông **V** là người đại diện cho anh **H**, chị **K** đồng ý việc anh **H**, chị **K** tiếp tục trả lãi đối với số tiền vay tính từ ngày chị **T** khởi kiện đến ngày xét xử phúc thẩm là 12 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng. Xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh **H**, chị **K** được người đại diện của anh chị trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở như hội đồng xét xử đã phân tích nên được ghi nhận. Sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất, cụ thể như sau: $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 12 \text{ tháng} = 119.520.000 \text{ đồng}$.

[7] Về nợ hui: Anh **H**, chị **K** đều thừa nhận có tham gia 08 dây hui do chị **T** làm chủ hui và đã hốt hết các phần hui của 08 dây hui. Sau khi hốt hui anh, chị đã đóng hui chết đầy đủ cho chị **T** đến khi hui mãn nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T**.

Xét thấy số tiền hốt hui được chị **T** giao cho chị **K** ký nhận đầy đủ theo 08 giấy giao hui tổng số tiền 853.800.000 đồng trừ 15.000.000 đồng cho chủ hui còn thực nhận 838.800.000 đồng (BL 115-122) nhưng sau khi hốt hui thì việc đóng hui chết không được thể hiện bằng giấy, mực. Theo anh **H**, chị **K** khai việc anh, chị đóng hui chết cho chị **T** bằng nhiều hình thức như trả tiền mặt trực tiếp, chuyển khoản và có gởi tiền nhờ nhiều người trả cho chị **T** như: Trúc Ly, **Quyền A**, **Kim N**, **Nguyễn Thị N1**.

Theo lời khai của các nhân chứng: **Phạm Trúc L**, **Tô Quyền A** xác nhận có nhận tiền của anh **H**, chị **K** gởi nhờ đưa cho chị **T** nhưng không nói tiền gì và bao nhiêu do đã lâu không nhớ (Bút lục 39, 42). **Võ Thị Kim N** khai: Chị không biết bà **T** là ai, chị chỉ thấy anh **H**, chị **K** có đưa tiền cho **Tô Quyền A** (là chồng chị lúc chờ chị đi làm) nhờ anh **A** đưa giùm, còn bao nhiêu tiền và đưa cho ai thì chị không biết (Bút lục 41). Còn nhân chứng **Nguyễn Thị N1** khai: Chị **T** là chị dâu của bà, còn anh **H**, chị **K** là ai thì bà chưa từng gặp, nói chuyện và cũng không có nhận tiền của anh **H**, chị **K** giùm chị **T** (Bút lục 40). Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm anh **Tô Quyền A** gửi văn bản trình bày ý kiến như sau: Anh nhớ lại mỗi lần chị **K** đưa tiền nhờ anh giao cho chị **T** thì chị **K** có nói đưa giùm tiền hui. Mỗi lần đưa từ 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng, 15.000.000 đồng khoảng 08 lần, tổng cộng khoảng 60.000.000 đồng. Việc anh **Quyền A** thay đổi lời khai, không được phía nguyên đơn thừa nhận nên không có cơ sở. Còn lời khai các nhân chứng: **Phạm Hồng T2**, **Châu Yến O**, **Võ Thị Kiều T3** chỉ xác nhận **Huỳnh Thị Diễm K**, anh **Nguyễn Hoàng H** có tham gia chơi hui do chị **T** làm chủ, không ai xác định được anh **H**, chị **K** có đóng hui chết cho chị **T** hay không. Riêng **Nguyễn Hữu P1**, **Võ Thị Anh L1**, **Lê Thị T4** chỉ trình bày cách thức tổ chức và phương thức thực hiện việc giao nhận tiền hui giữa chủ hui với hui viên, không ai xác nhận anh **H**, chị **K** có tham gia chơi hui do chị **T** làm chủ hui.

Do đó việc anh **H**, chị **K** khai đã đóng hui chết cho chị **T** đầy đủ nên không còn nợ là không có căn cứ. Anh **H**, chị **K** cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh, chị đã đóng hui chết cho chị **T** đầy đủ đến lúc mãn hui nên không còn nợ. Theo tài liệu có trong hồ sơ được chị **Trần Thị Kim P** là người đại diện theo ủy quyền của chị **Trần Thị Thu T** giao nộp được anh **H**, chị **K** thừa nhận thể hiện số tiền nợ hui được chị **K** chuyển khoản trả cho chị **T** qua **Ngân hàng N3 chi nhánh huyện T, tỉnh Tiền Giang** từ ngày 21/4/2022 đến ngày 22/3/2023 là 171.920.000 đồng (bút lục 54-75). Ngoài ra không còn tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh anh **H**, chị **K** đã trả hết nợ hui cho chị **T**. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh **H**, chị **K** nhiều lần làm đơn yêu cầu thu thập tài liệu chứng cứ về việc anh **H**, chị **K** chuyển tiền trả cho chị **T** qua tin nhắn của mạng mobiphone và Chi nhánh **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N3**. Tòa án đã thực hiện theo yêu cầu đương sự nhưng kết quả không có chứng cứ mới chứng minh số tiền nợ hui anh **H**, chị **K** đã trả cho chị **T** nhiều hơn 171.920.000 đồng. Tuy nhiên khi khởi kiện chị **T** yêu cầu anh **H**, chị **K** trả tiền hui chết sau khi hốt hui đến khi mãn hui

bằng 922.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị **T** rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu, chỉ đòi anh **H**, chị **K** trả lại 898.080.000 đồng tiền nợ hui. Lẽ ra tòa sơ thẩm phải khấu trừ số tiền nợ hui anh **H**, chị **K** đã chuyển trả cho chị **T** đã được chứng minh, nhưng lại buộc anh **H**, chị **K** phải trả 898.080.000 đồng là không đúng, làm thiệt hại quyền lợi của anh **H**, chị **K** nên cần phải sửa án sơ thẩm phần nợ hui anh chị phải trả là 750.080.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh **H**, chị **K** một phần có cơ sở như nhận định nên được chấp nhận, sửa một phần quyết định án sơ thẩm về tính lãi suất và nợ hui phải trả.

[8] Về án phí: các đương sự phải chịu theo qui định tại Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí lệ phí tòa án.

Xét lời bào chữa của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh **Nguyễn Hoàng H** và chị **Huỳnh Thị Diễm K** không có cơ sở và trái với nhận định của Tòa án nên không được chấp nhận.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở phù hợp với những nhân định của Tòa án nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 270, 293, khoản 2 điều 308 , điều 309, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng H và chị Huỳnh Thi Diễm K.

Sửa một phần Quyết định án sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào điều 5 khoản 3 điều 26, điều 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 166, 280, 288, 463, 466, 468, 471 và điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu phườg. Điều 26, và điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Thu T.** Buộc anh **Nguyễn Hoàng H** cùng chị **Huỳnh Thị Diễm K** có nghĩa vụ liên đới trả cho chị **Trần Thị Thu T**:

Tiền vay: 1.200.000.000 đồng và 119.520.000 đồng tiền lãi = 1.319.520.000 đồng.

Tiền hui: 750.080.000 đồng.

Tổng cộng: 2.069.600.000 đồng. (Hai tỷ không trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày chị **T** có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh **H**, chị **K** không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **T** đòi anh **H**, chị **K** phải trả thêm 119.520.000 đồng tiền lãi và 171.920.000 đồng tiền hui, tổng cộng 291.440.000 đồng.

3. Về án phí: Anh **Nguyễn Hoàng H** và chị **Huỳnh Thị Diễm K** phải chịu 73.392.000 đồng án phí sơ thẩm. Anh **H** chị **K** không phải chịu án phí phúc thẩm.

Chị **Trần Thị Thu T** phải chịu 14.572.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị **Trần Thị Thu T** 39.010.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008507 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Trả lại chị **Huỳnh Thị Diễm K** và anh **Nguyễn Hoàng H** mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008646 (của chị **K**) và biên lai thu số 0008645 (của anh **H**) cùng ngày 21/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Án tuyên vào lúc 08 giờ 45 phút, ngày 25/3/2024; Có mặt anh **H**, chị **K**, ông **V**, Luật sư **TI**)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Mai Hoàng Khải

